

Số: 570 /TMBG-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2025

## THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

Đơn hàng: Vật tư phục vụ sửa chữa hệ thống điện văn phòng Công ty  
Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV kính mời Quý đơn vị tham gia khảo sát và báo giá vật tư phục vụ sửa chữa hệ thống điện văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV với các yêu cầu như sau:

### I. Yêu cầu đối với vật tư phục vụ sửa chữa hệ thống điện văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV:

1. **Danh mục, khối lượng vật tư; đặc tính, thông số kỹ thuật vật tư:** chi tiết theo Phụ lục 1. Danh mục, khối lượng vật tư đề nghị báo giá đính kèm.

#### 2. Yêu cầu về tính hợp lệ, đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư:

Vật tư báo giá phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh xuất xứ và chất lượng theo quy định, cụ thể:

(i) Đối với vật tư nhập khẩu phải cung cấp **Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)** do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành và **Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q)** do đơn vị sản xuất vật tư phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ và chất lượng tương đương khác);

(ii) Đối với vật tư sản xuất tại Việt Nam phải cung cấp **Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá** hoặc **Giấy chứng nhận xuất xưởng** do đơn vị sản xuất vật tư phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh chất lượng tương đương khác);

- Vật tư báo giá phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu và cam kết bảo hành 12 tháng từ ngày có biên bản nghiệm thu.

Báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, bao gồm: tên vật tư, ký mã hiệu, quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật, đơn vị tính, số lượng, nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, thời gian bảo hành, địa điểm và tiến độ giao hàng.

- Nhà cung cấp có thể khảo sát các thiết bị đang sử dụng thực tế tại Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV nhằm đảm bảo vật tư báo giá cung cấp phù hợp và lắp đặt đồng bộ với thiết bị sẵn có của Bên mời báo giá.

Danh mục vật tư chi tiết như phụ lục kèm theo

### II. Yêu cầu đối với báo giá:

#### 1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Báo giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà

hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (*kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác*).

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

## **2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:**

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước (*thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư báo giá*); đơn giá đối với phần vật tư được hiểu là giá giao hàng tại kho bên mua;

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

- Đề nghị Quý đơn vị báo giá cho toàn bộ danh mục, khối lượng vật tư theo yêu cầu của văn bản mời báo giá.

## **IV. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:**

- Thời gian nhận báo giá: trước 14 h00 phút, ngày 09 tháng 5 năm 2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại 02633976888. (*Hồ sơ báo giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị*), hoặc gửi đồng thời qua 2 địa chỉ Email: [vanthudn52012@gmail.com](mailto:vanthudn52012@gmail.com) và [tochuyengiadm5@gmail.com](mailto:tochuyengiadm5@gmail.com). (*Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên*).

Trân trọng./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trang Website TKV (Để đăng tải);
- Trang Website [dienluockv.vn](http://dienluockv.vn) (Để đăng tải);
- Lưu Văn thư, KHVTDĐT (P01)



**Trần Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ**  
(Kèm theo Văn bản số 570 /TMBG-ĐN5 ngày 29 tháng 4 năm 2025)

| TT | Tên thiết bị         | Thông số kỹ thuật của thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xuất xứ, kỹ<br>mã hiệu,<br>nhãn mác của<br>hàng hóa | Đơn<br>vị | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(Đồng) | Thành<br>tiền trước<br>thuế<br>(Đồng) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(%) | Thuế<br>GTGT<br>(Đồng) | Thành<br>tiền sau<br>thuế<br>(Đồng) |
|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Cáp điện             | CXV 3x50+1x25mm                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                     | m         | 104         |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 2  | Vỏ tủ điện           | Kích thước: 800x600x300x1mm<br>Chất liệu: thép và sơn tĩnh điện                                                                                                                                                                                                                                  |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 3  | Bộ điều khiển ATS    | Số cực: 3P<br>Điện áp hoạt động ( $U_e$ ): 400/415V - 50Hz<br>Định mức dòng điện ( $I_n$ ): 250A<br>Định mức điện áp cách điện ( $U_i$ ): AC 1000V<br>Định mức điện áp xung ( $U_{imp}$ ): 8kV<br>Khả năng quá dòng ngắn mạch ( $I_{cm}$ ): 35kA<br>Định mức dòng ngắn mạch ( $I_{cm}$ ): 73.5kA |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 4  | Biến dòng điện       | Tỉ số biến: 250/5A<br>Đường kính lỗ: 20mm                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 5  | Đèn báo tủ điện      | Màu: đỏ<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp: 220VAC                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 6  | Đèn báo tủ điện      | Màu: Xanh<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp: 220VAC                                                                                                                                                                                                                                               |                                                     | Cái       | 4           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 7  | Đèn báo tủ điện      | Màu: Vàng<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp: 220VAC                                                                                                                                                                                                                                               |                                                     | Cái       | 4           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 8  | Cầu chì sứ           | Loại: 5A<br>Kích thước: 10x38mm                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 9  | Vỏ cầu chì sứ        | Loại: 32A (Lắp cho cầu chì 10x38)                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                     | Cái       | 6           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 10 | Công tắc chuyển mạch | Kích thước mặt: 48x48mm<br>Kích thước lỗ: 25mm                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |

| TT | Tên thiết bị            | Thông số kỹ thuật của thiết bị                                                                                                                                                     | Xuất xứ, kỹ<br>mã hiệu,<br>nhãn mác của<br>hàng hóa | Đơn<br>vị | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(Đồng) | Thành<br>tiền trước<br>thuế<br>(Đồng) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(%) | Thuế<br>GTGT<br>(Đồng) | Thành<br>tiền sau<br>thuế<br>(Đồng) |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|
|    |                         | Chuyển mạch: 7 vị trí<br>Kiểu: chuyển điện áp<br>Điện áp: 220VAC/50-60Hz<br>Dòng điện: 20A<br>Tiếp điểm: 12<br>Tiêu chuẩn: IEC                                                     |                                                     |           |             |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 11 | Công tắc chuyển<br>mạch | Kích thước mặt: 48x48mm<br>Kích thước lỗ: 25mm<br>Chuyển mạch: 4 vị trí<br>Kiểu: chuyển dòng điện<br>Điện áp: 220VAC/50-60Hz<br>Dòng điện: 20A<br>Tiếp điểm: 12<br>Tiêu chuẩn: IEC |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 12 | Đồng hồ đo điện áp      | Loại: Kim chỉ thị<br>Kích thước: 96x96mm<br>Dải đo: 0-500VAC                                                                                                                       |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 13 | Đồng hồ đo dòng<br>điện | Loại: Kim chỉ thị<br>Kích thước: 96x96mm<br>Dải đo: 250A<br>Tỉ số biến: 250/5A                                                                                                     |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 14 | Áp tô mát               | Loại: MCCB 3P<br>Dòng định mức: 250A<br>Điện áp hoạt động: 400VAC<br>Dòng ngắn mạch: 25kA<br>Điện áp cách điện: 690V<br>Gắn ray DIN 35                                             |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 15 | Áp tô mát               | Loại: MCCB 3P<br>Dòng định mức: 100A<br>Điện áp hoạt động: 400 VAC                                                                                                                 |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |

| TT | Tên thiết bị            | Thông số kỹ thuật của thiết bị                                                                                                                        | Xuất xứ, kỹ<br>mã hiệu,<br>nhãn mác của<br>hàng hóa | Đơn<br>vị | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(Đồng) | Thành<br>tiền trước<br>thuế<br>(Đồng) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(%) | Thuế<br>GTGT<br>(Đồng) | Thành<br>tiền sau<br>thuế<br>(Đồng) |
|----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|
|    |                         | Dòng ngắn mạch: 10kA<br>Điện áp cách điện: 690V<br>Gắn ray DIN 35                                                                                     |                                                     |           |             |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 16 | Áp tô mát               | Loại: MCCB 3P<br>Dòng định mức: 63A<br>Điện áp hoạt động: 400 VAC<br>Dòng ngắn mạch: 10kA<br>Điện áp cách điện: 690V<br>Gắn ray DIN 35                |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 17 | Áp tô mát               | Loại: MCCB 3P<br>Dòng định mức: 16A<br>Điện áp hoạt động: 400 VAC<br>Dòng ngắn mạch: 5kA<br>Điện áp cách điện: 690V<br>Gắn ray DIN 35                 |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 18 | Biến dòng điện          | Tỉ số biến: 100/5A<br>Đường kính lỗ: 20mm                                                                                                             |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 19 | Đồng hồ đo dòng<br>điện | Loại: Kim chỉ thị<br>Kích thước: 96x96mm<br>Dải đo: 100A<br>Tỉ số biến: 100/5A                                                                        |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 20 | Cầu chì sứ              | Loại: 2A<br>Kích thước: 10x38mm                                                                                                                       |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 21 | Áp tô mát               | Loại: MCB 2P<br>Dòng định mức: 16A<br>Điện áp hoạt động: 400 VAC<br>Dòng ngắn mạch: 6kA<br>Điện áp cách điện: 690V<br>Trip class: C<br>Gắn ray DIN 35 |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |

| TT | Tên thiết bị                   | Thông số kỹ thuật của thiết bị                                                                                             | Xuất xứ, kỹ<br>mã hiệu,<br>nhãn mác của<br>hàng hóa | Đơn<br>vị | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(Đồng) | Thành<br>tiền trước<br>thuế<br>(Đồng) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(%) | Thuế<br>GTGT<br>(Đồng) | Thành<br>tiền sau<br>thuế<br>(Đồng) |
|----|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| 22 | MBA cách ly                    | Loại: biến áp 1 pha<br>Điện áp vào: 220VAC<br>Điện áp ra: 220VAC<br>Dòng điện: 5A (1,1KVA)<br>Chất liệu dây dẫn: đồng 100% |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 23 | Nút nhấn                       | Kiểu: Nút nhấn không duy trì<br>Màu: xanh<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp hoạt động: 220VAC<br>Tiếp điểm: 1NO, 1NC        |                                                     | Cái       | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 24 | Nút nhấn                       | Kiểu: Nút nhấn không duy trì<br>Màu: Đỏ<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp hoạt động: 220VAC<br>Tiếp điểm: 1NO, 1NC          |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 25 | Nút nhấn                       | Kiểu: Nút nhấn có duy trì<br>Màu: xanh<br>Đường kính: phi 22<br>Điện áp hoạt động: 220VAC<br>Tiếp điểm: 1NO, 1NC           |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 26 | Công tắc xoay                  | Loại: 3 Vị trí<br>Đường kính: 25mm<br>Tiếp điểm: 2NO, 2NC<br>Tiêu chuẩn: CE                                                |                                                     | Cái       | 3           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 27 | Bộ điều khiển lập<br>trình PLC | LOGO 12/24RCE,<br>module I/O: 12/ 24 V DC/relay, 8 DI<br>(4 AI)/4 DO, Bộ nhớ 400 khối                                      |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 28 | Khởi động từ                   | Loại: 3P<br>Dòng điện: 18A (7,5kW)<br>Điện áp cuộn dây: 220VAC                                                             |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |

| TT | Tên thiết bị     | Thông số kỹ thuật của thiết bị                                                                              | Xuất xứ, kỹ<br>mã hiệu,<br>nhãn mác của<br>hàng hóa | Đơn<br>vị | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(Đồng) | Thành<br>tiền trước<br>thuế<br>(Đồng) | Thuế<br>suất<br>GTGT<br>(%) | Thuế<br>GTGT<br>(Đồng) | Thành<br>tiền sau<br>thuế<br>(Đồng) |
|----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|
|    |                  | Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC<br>Gắn ray DIN 35                                                                    |                                                     |           |             |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 29 | Rơ le nhiệt      | Loại: 3P<br>Dòng điện điều chỉnh: 7-11A<br>Gắn ray DIN 35                                                   |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 30 | Khởi động từ     | Loại: 3P<br>Dòng điện: 40A (18,5kW)<br>Điện áp cuộn dây: 220VAC<br>Tiếp điểm phụ: 2NO+2NC<br>Gắn ray DIN 35 |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 31 | Rơ le nhiệt      | Loại: 3P<br>Dòng điện điều chỉnh: 24-34A<br>Gắn ray DIN 35                                                  |                                                     | Cái       | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 32 | Ống nhựa         | HDPE 50/65                                                                                                  |                                                     | m         | 84          |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 33 | Đầu cốt          | SC50x12                                                                                                     |                                                     | cái       | 12          |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 34 | Băng ni lông     | cuộn 100m                                                                                                   |                                                     | cuộn      | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 35 | Còn công nghiệp  | 90 độ                                                                                                       |                                                     | kg        | 2           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 36 | Đá cắt bê tông   | D350mm                                                                                                      |                                                     | viên      | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 37 | Đá mài           | D100mm                                                                                                      |                                                     | viên      | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 38 | Dây thép         | D2mm                                                                                                        |                                                     | m         | 11          |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 39 | Giẻ lau          |                                                                                                             |                                                     | kg        | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 40 | Măng sông        | HDPE 50/65                                                                                                  |                                                     | cái       | 10          |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 41 | Mỡ YOC           |                                                                                                             |                                                     | kg        | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
| 42 | Vải phin trắng   | Khố 0,8m                                                                                                    |                                                     | m         | 1           |                      |                                       |                             |                        |                                     |
|    | <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                             |                                                     |           |             |                      |                                       |                             |                        |                                     |